

Số: 1403 /QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 8 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 266/TTr-SNN ngày 03 tháng 7 năm 2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (có Kế hoạch kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hàng năm, báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3; *✓*
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Tổng hợp;
- Lưu: VT, (TA074) *✓*



KT/CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Dũng

**Phụ lục:**  
**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

(Kèm theo Quyết định số: 1403 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình	Hình thức văn bản
I	<b>XÂY DỰNG CÁC QUY HOẠCH NGÀNH, QUY HOẠCH SẢN PHẨM</b>				
01	Quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi gắn với Quy hoạch hệ thống lò giết mổ tập trung tỉnh Bạc Liêu giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
02	Quy hoạch bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng Vườn chim Bạc Liêu và khu rừng Canh Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
03	Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
04	Quy hoạch phát triển nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy, hải sản tỉnh Bạc Liêu giai đoạn đến năm 2025, định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

	hướng đến năm 2035		xã, thành phố		
05	Quy hoạch các khu bảo tồn nguồn lợi vọp và nguồn lợi nghề, sò giống trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
06	Quy hoạch thủy lợi chi tiết phục vụ sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
07	Quy hoạch trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
08	Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG CÁC ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH, LĨNH VỰC</b>				
01	Đề án Tái cơ cấu ngành chăn nuôi tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

02	Đề án Tái cơ cấu ngành muối tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
03	Đề án Tái cơ cấu ngành thủy sản tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
04	Đề án Tái cơ cấu ngành trồng trọt tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
05	Đề án thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>III</b>	<b>XÂY DỰNG CÁC KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU</b>				
01	Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

	hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2015 - 2020	triển nông thôn	có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		Ủy ban nhân dân tỉnh
02	Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
03	Xây dựng Kế hoạch nuôi Artemia 5 năm trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>IV</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH</b>				
01	Ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2015 - 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
02	Quy định Tiêu chí cánh đồng lớn và chính sách ưu đãi, hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trong lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
03	Quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện nội dung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị	2015	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu		xã, thành phố		
04	Chính sách hỗ trợ sản xuất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
05	Chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
06	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2016	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn Bạc Liêu

(Kèm theo Quyết định số: 1403/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, với những nội dung chủ yếu như sau:

#### Phần I

### KHÁI QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU GIAI ĐOẠN 2008 - 2014

- Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu Khóa XIII đã ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Chương trình số 39-CTr/TU ngày 15 tháng 10 năm 2008) và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình số 39-CTr/TU ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Quyết định số 4632/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2009).

Qua 06 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Chương trình hành động của Chính phủ, của Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nêu trên đã đạt được nhiều kết quả rõ rệt; các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được triển khai thực hiện khá đồng bộ, nghiêm túc, sâu rộng, hiệu quả; huy động được cả hệ thống chính trị và đông đảo người dân tham gia; nông nghiệp luôn giữ được đà tăng trưởng ổn định, phát triển tương

đổi toàn diện, thể hiện được vai trò là “trụ đỡ”, tạo nền tảng vững chắc góp phần quan trọng duy trì tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn, cụ thể:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân 6,14% /năm (giai đoạn 2008 - 2010) và 7,37%/năm (giai đoạn 2011 - 2014), năm 2014 giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá hiện hành đạt 37.379,47 tỷ đồng (chiếm 50,06% giá trị sản xuất toàn tỉnh), theo giá so sánh 2010 đạt 26.830,75 tỷ đồng (chiếm 48,56% giá trị sản xuất toàn tỉnh); tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá hiện hành đạt 12.571,74 tỷ đồng (chiếm 45,12% tổng sản phẩm toàn tỉnh), theo giá so sánh 2010 đạt 9.235,21 tỷ đồng (chiếm 44,61% tổng sản phẩm toàn tỉnh); năng suất, chất lượng, sản lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên; sản lượng lúa đạt 1.037.066 tấn, sản lượng thủy sản đạt 283.396 tấn, năng suất nuôi trồng thủy sản bình quân là 1,44 tấn/ha, năng suất lúa bình quân là 5,76 tấn/ha (về sản lượng lúa tăng 35,67%, sản lượng thủy sản tăng 36,15%, năng suất thủy sản nuôi bình quân tăng 39,81% và năng suất lúa bình quân tăng 16,83% so với năm 2008); xuất khẩu liên tục tăng (kim ngạch xuất khẩu đạt 430,79 triệu USD năm 2014 tăng 2,33 lần so năm 2008).

+ Trồng và bảo vệ rừng được thực hiện tốt hơn, đa số các “chủ rừng” đều chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, sản xuất theo mô hình lâm - ngư kết hợp đạt hiệu quả kinh tế, cuộc sống của người dân từng bước được cải thiện, rừng đã có chủ, ít bị chặt phá, lấn chiếm, năng suất, chất lượng rừng được tăng lên.

+ Khai thác hải sản phát triển theo hướng bền vững, giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo; năm 2014 toàn tỉnh có 1.254 tàu đăng ký, đăng kiểm (trong đó khai thác xa bờ là 521 phương tiện, tàu khai thác gần bờ là 733 phương tiện), tổng công suất là 179.431 CV, tổng số thuyền viên là 7.189 người (về tổng số phương tiện tàu cá tăng 21,86%, trong đó tàu đánh bắt xa bờ tăng 48,43%, tàu khai thác gần bờ tăng 8,11%, tổng công suất tăng 58,62%, tổng số thuyền viên tăng 30,12% so với năm 2008).

+ Mô hình hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân dưới nhiều hình thức (doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp, hướng dẫn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm) từng bước được triển khai nhân rộng, dựa trên ứng dụng tốt khoa học, công nghệ (năm 2014 thực hiện 12.083 ha gieo trồng lúa, 01 trại heo thịt quy mô 1.100 con và 01 trại gà công nghiệp sản xuất trứng thương phẩm quy mô 6.000 con).

+ Công tác xây dựng và bảo vệ thương hiệu cho những sản phẩm chủ lực được quan tâm (hiện có 02 sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý gồm: Muối ăn Bạc Liêu và Gạo Một bụi đỏ Hồng Dân, 07 sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa gồm: Hội sản xuất gạo Tài nguyên Vĩnh Lợi; Hợp tác xã tôm, cua giống Gành Hào; Hợp tác xã Ngò ri Bạc Liêu Hợp tác xã Artemia Vĩnh Châu - Bạc Liêu; Khô, mắm Tứ Hải; Thanh Nhãn Bạc Liêu và Trang trại tôm sú sạch Sáu Ngoãn Việt Nam).

+ Đời sống của nông dân được cải thiện rõ rệt (thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 23,64 triệu đồng năm 2014, tăng hơn 2 lần so với



năm 2008); công tác giảm nghèo được quan tâm lãnh đạo, các biện pháp giảm nghèo được thực hiện khá đồng bộ đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn (theo tiêu chí cũ là 11,35% năm 2008, theo tiêu chí mới là 22,05% năm 2011, giảm còn 5,47% năm 2014); an sinh xã hội ngày càng được bảo đảm; các điều kiện về giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục được cải thiện; dân chủ ở cơ sở được phát huy (tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 32,32% năm 2008 lên 56% năm 2014); dân số trung bình khu vực nông thôn là 637.156 người (chiếm 72,7% dân số toàn tỉnh); lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên khu vực nông thôn là 458.191 người (chiếm 72,11% lao động toàn tỉnh), lao động đang làm việc trong nông, lâm nghiệp và thủy sản là 308.801 người (chiếm 64,46% lao động đang làm việc toàn tỉnh).

+ Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào quần chúng sôi nổi và đều khắp trên địa bàn tỉnh; sau 04 năm thực hiện, tăng bình quân 7,62 tiêu chí/xã (tại thời điểm cuối năm 2010 bình quân đạt 5,46 tiêu chí/xã thì đến tháng 6 năm 2015 bình quân đạt 13,08 tiêu chí/xã; có 08 xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí nông thôn mới, 10 xã đạt từ 15 - 18/19 tiêu chí, 21 xã đạt từ 10 - 14/19 tiêu chí và 11 xã đạt từ 05 - 09/19 tiêu chí), bộ mặt nông thôn từng bước được khởi sắc, ngày một văn minh hơn; cơ sở hạ tầng thiết yếu từng bước được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, an ninh trật tự được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng ở các vùng nông thôn được tăng cường.

- Tuy nhiên, qua 06 năm thực hiện cũng đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém; tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế nông nghiệp đạt mức khá (6,14 - 7,37%/năm), nhưng lĩnh vực sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản của tỉnh vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ thiếu bền vững (nhất là lĩnh vực muối trồng thủy sản); hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông, lâm, thủy sản còn thấp; an toàn, vệ sinh thực phẩm, ô nhiễm môi trường vẫn là vấn đề bức xúc trong xã hội; dịch vụ, ngành nghề nông thôn phát triển chưa đa dạng, quy mô nhỏ, ngành hàng phân tán, sử dụng nhiều công lao động, hiệu quả đầu tư thấp, khó phát triển; quan hệ sản xuất chậm được đổi mới, kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài; quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa gắn được sản xuất với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm; sự gắn kết giữa công nghiệp, dịch vụ với sản xuất nông nghiệp thiếu chặt chẽ; nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp chưa được coi trọng, chưa thực sự trở thành động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu; vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn thấp, kéo dài nhiều năm dẫn đến điều kiện kết cấu hạ tầng (thủy lợi, giao thông nông thôn, lưới điện 03 pha, ...) và cơ sở vật chất kỹ thuật yếu kém, lạc hậu; việc xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án động lực của ngành có nhu cầu vốn đầu tư rất lớn trong khi đầu tư của Nhà nước có giới hạn, việc huy động các nguồn lực gặp nhiều khó khăn; vốn đầu tư vào một số mô hình có hiệu quả kinh tế cao, nhất là các mô hình thâm canh sâu, siêu thâm canh, nhưng việc tiếp cận các nguồn vốn vay tín dụng còn hạn chế nên chậm được triển khai nhân rộng; thu nhập và mức sống của dân cư nông thôn còn thấp; công tác giảm nghèo ở nhiều

vùng nông thôn chưa bền vững; chất lượng y tế, văn hóa, giáo dục ở một vài nơi còn thấp.

- Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là: Trước do nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành và người dân đối với chủ trương của Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ; còn xem nhẹ vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa được thường xuyên, thiếu quyết liệt; trong thực hiện thiếu sự vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của từng địa phương; sự phối hợp giữa các Sở, Ngành, các Tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu đôi lúc chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ; tổ chức bộ máy, chất lượng công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn nhiều bất cập; nông nghiệp, nông thôn Bạc Liêu có điểm xuất phát thấp, đời sống của đại bộ phận nông dân còn khó khăn; tác động của tình hình suy giảm kinh tế thế giới, tình hình thiên tai, dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường; đầu tư của nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn còn rất hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước, coi nhẹ huy động sức dân nên việc thực hiện các mục tiêu còn chậm; một số cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn chậm đi vào cuộc sống, thiếu nguồn lực để tổ chức thực hiện (*Bạc Liêu vẫn là tỉnh nghèo, chưa đủ khả năng tự cân đối được ngân sách*); một số văn bản chưa kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, xóa bỏ những quy định không còn phù hợp và ban hành các văn bản của nhà nước chưa kịp thời, phù hợp với thực tiễn; thiếu cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội, nhất là doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; cơ cấu đầu tư có nơi chưa hợp lý, nhiều chương trình, dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn chồng chéo, khó lồng ghép dẫn đến phân tán nguồn lực, kém hiệu quả; đóng góp của khoa học, công nghệ vào giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp còn thấp; sự tham gia của các Tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 ĐẾN NĂM 2020**

#### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

##### **1. Quan điểm:**

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có tầm chiến lược và mang tính đột phá, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển bền vững kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ; trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn thì *“nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt”*.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng và biển; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực, tranh thủ, thu hút ngoại lực; đồng thời, tăng mạnh đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường vươn lên làm giàu của nông dân; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

- Từng bước làm thay đổi diện mạo khu vực nông thôn theo hướng hiện đại, xây dựng các cụm, tuyến dân cư nông thôn hoàn thiện về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khắc phục tình trạng phát triển tự phát, thiếu định hướng, mang tính dàn trải, không tập trung; nâng cao trình độ dân trí, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn; áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp.

## **2. Mục tiêu:**

### **a) Mục tiêu tổng quát:**

- Tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị và các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Thủ tướng Chính phủ.

- Phần đầu xây dựng Bạc Liêu cơ bản trở thành một tỉnh có nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực (*bao gồm cả an ninh dinh dưỡng*) trên địa bàn tỉnh và nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu; xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; có nền quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; đời sống vật chất, tinh thần của nông dân không ngừng được nâng cao; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường; củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc, quyết tâm đưa Bạc Liêu sớm trở thành một trong những tỉnh phát triển khá trong vùng và cả nước.

## **b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:**

- Giá trị sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản đạt 34.364,76 tỷ đồng; tổng sản phẩm nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản đạt 11.651,79 tỷ đồng theo giá so sánh 2010 (*tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 3,31%/năm*); doanh thu bình quân đạt 199 triệu đồng/ha (*lợi nhuận bình quân 93,53 triệu đồng/ha*); kim ngạch xuất khẩu đạt 785 triệu USD.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt khoảng 45 triệu đồng; quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn đạt 90%; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm từ 1,5 - 02%/năm; có 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 70% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch an toàn; 99% hộ nông thôn được sử dụng điện lưới quốc gia.

- Phần đầu có 25 xã trên địa bàn tỉnh và có 02 huyện (*huyện Phước Long và huyện Vĩnh Lợi*) đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới; 100% làng nghề có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn; di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào các khu, cụm, điểm công nghiệp tập trung.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 theo Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị:**

- Các Sở, Ngành và cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu và cấp cơ sở tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng quan điểm, mục tiêu và nội dung của Nghị quyết Trung ương 7 theo Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị; nghiêm túc đánh giá những mặt còn hạn chế, nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm rút ra qua 06 năm thực hiện Nghị quyết; trên cơ sở đó, từng cấp ủy phải có chương trình, kế hoạch chỉ đạo thực hiện, đồng thời tổ chức kiểm tra, đôn đốc, kịp thời uốn nắn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nhân rộng cách chỉ đạo hiệu quả, những điển hình tiên tiến, cách làm hay, mô hình tốt,...

- Công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết cần đổi mới nội dung, phương pháp để từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động, các tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, đặc biệt là người đứng đầu các tổ chức, cơ quan và mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### **2. Rà soát, điều chỉnh, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch:**

- Đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch ngành và quy hoạch sản phẩm chủ lực đã có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật quy hoạch phát triển sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở xác định thế mạnh các sản phẩm chủ lực, đảm bảo liên kết vùng, hình thành nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa bền vững.

- Phân công trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở và trách nhiệm của người dân trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, hạn chế việc sản xuất tự phát của nông dân.

- Cân đối, bố trí nguồn lực cho công tác quy hoạch xây dựng, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các trung tâm xã, cụm - tuyến dân cư nông thôn.

### **3. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn:**

- Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch, đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đã được phê duyệt, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao và tổ chức lại sản xuất; đồng thời, khẩn trương xây dựng và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hành động, đề án tái cơ cấu theo phụ lục kèm theo Kế hoạch này; đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân và các doanh nghiệp tham gia thực hiện tái cơ cấu ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; điều chỉnh cơ cấu chi tiêu công; tăng cường bộ máy chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện.

- Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn trên cơ sở cải thiện nhanh môi trường đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi hơn về đất đai, kết cấu hạ tầng; hỗ trợ giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình đầu tư và hoạt động của các nhà đầu tư, doanh nghiệp; chú trọng phát triển ngành nghề, làng nghề, các cụm công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, nhất là các doanh nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản, doanh nghiệp sản xuất giống, vật tư nông nghiệp, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tại chỗ ở nông thôn nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống nông dân, đồng thời hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững; phấn đấu đến năm 2020 có 100% cơ sở chế biến thủy sản đạt tiêu chuẩn ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm và có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định; sản lượng chế biến thủy sản đạt trên 80% tổng sản lượng thủy sản, trong đó tỷ trọng chế biến thủy sản có giá trị kinh tế cao trên 75%; đảm bảo 100% sản lượng gạo xuất khẩu được chế biến công nghiệp, tỷ lệ thu hồi trong xây xát đạt khoảng 67%; đối với sản phẩm thịt gia súc, gia cầm phấn đấu đưa tỷ lệ giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung lên 60 - 70% sản lượng thịt tiêu dùng trong tỉnh; triển khai thực hiện Chương trình “Mỗi ấp mỗi nghề”, nhân rộng các mô hình phát triển ngành nghề có hiệu quả trên địa bàn nông thôn.

- Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, điện khí hóa nông thôn, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm; tạo điều kiện phát triển các lĩnh vực sản xuất (*cây trồng, vật nuôi chủ lực*) với khả năng cạnh tranh được nâng cao (*đối với sản xuất lúa mức độ cơ giới hóa 100 % khâu làm đất, 100% khâu thu hoạch lúa, 100%*

*sản lượng lúa Hè Thu được sấy và 100% khâu phun thuốc bảo vệ thực vật; đối với chăn nuôi phấn đấu 100% sản phẩm thịt gia súc, gia cầm được giết mổ tại lò giết mổ tập trung; đối với nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh đảm bảo 100% khâu xây dựng và cải tạo ao đầm, sục khí, bơm nước; đối với mô hình quảng canh cải tiến 100% khâu xây dựng ao đầm, bơm nước phục vụ sản xuất; đối với sản xuất muối thử nghiệm cơ giới hóa khâu đầm nén sân kết tinh, áp dụng công cụ không rỉ để vận chuyển muối,...).*

#### **4. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, chú trọng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là các vùng còn nhiều khó khăn:**

- Thực hiện xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn các xã theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2014 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phấn đấu đến năm 2020 có 25 xã trên địa bàn tỉnh và có 02 huyện (*huyện Phước Long và huyện Vĩnh Lợi*) đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới.

- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; phát huy dân chủ của nông dân; ưu tiên đầu tư phát triển y tế, giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc Khmer; phát triển hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn; thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế, chính sách dân số, chính sách trợ giúp pháp lý,...; phấn đấu đến năm 2020 có 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, trên 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế, có 62,73% số trường học đạt chuẩn quốc gia, có 100% số ấp được công nhận đạt chuẩn văn hóa, đảm bảo cơ bản điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao ở hầu hết các vùng nông thôn, tiến gần tới mức các đô thị trung bình.

- Thực hiện hiệu quả các chương trình và chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết của Quốc hội; đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

#### **5. Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất, tập trung chỉ đạo phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; tập trung giải quyết thị trường đầu ra cho nông sản để thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:**

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể bao gồm Tổ hợp tác và Hợp tác xã, trong đó nòng cốt là Hợp tác xã; phát triển các hình thức kinh tế hợp tác phù hợp đối với từng lĩnh vực như: thủy lợi, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản; xây dựng và nhân rộng các mô hình Hợp tác xã, Tổ hợp tác kiểu mới, hoạt động hiệu quả; mô hình liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và giải quyết thị trường đầu ra cho nông sản để thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phấn đấu đến năm 2020, cơ bản hình thành hệ thống các Tổ hợp tác, Hợp tác xã liên kết với các doanh nghiệp trong cung cấp dịch vụ đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nông dân trong các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; trình độ, năng lực

của những người tham gia quản lý Tổ hợp tác và Hợp tác xã được nâng cao (đảm bảo 100% số người tham gia quản lý Tổ hợp tác và Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp được đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức quản lý và nghiệp vụ chuyên môn); mỗi năm thành lập từ 08 - 10 Hợp tác xã, Tổ hợp tác (chỉ thành lập Hợp tác xã ở những nơi đủ điều kiện, tập trung cho mô hình cánh đồng lớn trong sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, sản xuất muối,...); phần đầu có trên 50% số xã trên địa bàn tỉnh có ít nhất 01 Hợp tác xã hoặc 01 Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả nhằm đạt tiêu chí nông thôn mới; đảm bảo ở tất cả các xã đạt chuẩn nông thôn mới có các mô hình kinh tế hợp tác đạt loại khá, giỏi trở lên.

- Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù, khuyến khích mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, gia trại phát triển; đẩy mạnh phát triển mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và người dân.

#### **6. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản:**

- Xác định khoa học, công nghệ là một trong những động lực quan trọng, là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và xây dựng nông thôn mới, do đó cần tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ, giải quyết các vấn đề quan trọng bức xúc của ngành (về cải tiến giống cây trồng, vật nuôi, quy trình kỹ thuật sản xuất, phòng chống dịch bệnh, công nghệ sau thu hoạch, chế biến, bảo quản,...) để tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích và khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường trong và ngoài nước (ưu tiên cho các vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực: Tôm sú, tôm thẻ, cua biển, nhuyễn thể, lúa gạo, rau, quả, muối,...); kiên quyết chống đầu tư dàn trải, hiệu quả kém; xây dựng các vùng, khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch.

- Khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nông nghiệp.

- Đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác khuyến nông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của nhà nước và doanh nghiệp khuyến nông; phân cấp mạnh mẽ hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân và doanh nghiệp để đào tạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế vào các hoạt động khoa học, công nghệ, đào tạo và các dịch vụ nông nghiệp khác.

#### **7. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn:**

- Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình đào tạo nghề cho nông dân (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ); nâng dần chất lượng công tác

đào tạo nghề cho lao động nông thôn, kết hợp đồng bộ giữa công tác khuyến nông với đào tạo nghề; đa dạng hóa các hình thức đào tạo, khuyến khích đào tạo nghề thông qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh, các trung tâm dạy nghề; mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới; nhân rộng các mô hình tốt trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề đạt 45% vào năm 2020; nhu cầu đào tạo khoảng 09 - 10 ngàn lao động giai đoạn 2016 - 2020; đồng thời, tập trung đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở và cán bộ quản lý, điều hành Hợp tác xã, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

- Làm tốt công tác tổ chức, tư vấn nghề, gắn đào tạo nghề với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp; nghề phi nông nghiệp phải xuất phát từ quy hoạch sản xuất công nghiệp, dịch vụ, quy hoạch phát triển tiêu thụ công nghiệp, nhu cầu sử dụng lao động theo vị trí làm việc của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã về lý luận chính trị, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách, hình thức đào tạo nghề hiện nay để điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp, trong đó có ưu tiên hỗ trợ dạy nghề cho người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi, người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị thu hồi đất nông nghiệp; đồng thời, lồng ghép và huy động các nguồn lực để dạy nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn.

#### **8. Đổi mới cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực:**

- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung kịp thời chính sách đủ mạnh theo thẩm quyền để khuyến khích việc ứng dụng khoa học, công nghệ, huy động nguồn lực, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, dịch vụ nông nghiệp, nông thôn, nhất là những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; mở rộng các hình thức hợp tác công tư trong phát triển sản xuất và xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, tăng nguồn vốn tín dụng và tạo điều kiện thuận lợi để người dân, Hợp tác xã và doanh nghiệp dễ tiếp cận vốn tín dụng.

- Tăng cường công tác xã hội hóa việc đầu tư cơ sở hạ tầng, có chính sách thu hút đầu tư cho khu vực nông thôn.

##### **a) Chính sách đất đai:**

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý sử dụng đất; rà soát lại quy hoạch, bổ sung kế hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn; bảo vệ đất lúa nhưng cho phép thay đổi linh hoạt mục đích sử dụng giữa lúa và các cây trồng khác mang lại hiệu quả cao.

- Hạn chế việc thu hồi đất nông nghiệp cho các mục đích khác; khi tiến hành thu hồi đất cho mục đích an ninh, quốc phòng và dịch vụ công, ... sẽ áp dụng chính sách hỗ trợ đảm bảo lợi ích chính đáng của người quản lý sử dụng đất, có các phương án sử dụng lớp đất mặt và các vấn đề liên quan theo quy định; tạo điều



kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng, thuê mướn đất nông nghiệp, khuyến khích tích tụ tập trung ruộng đất.

### **b) Chính sách tài chính, tiền tệ:**

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách theo thẩm quyền nhằm huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và của nông dân đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện chính sách ưu đãi thuế giá trị gia tăng vật tư đầu vào của sản xuất nông nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi để khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư vào vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng hợp lý tỷ trọng vốn đầu tư của ngân sách nhà nước phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; phấn đấu đạt hoặc vượt mục tiêu của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tích cực vận động nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế, nhất là Ngân hàng thế giới (*WB*) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (*ADB*) để đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục ưu tiên dành vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp và nông thôn; tăng thêm hỗ trợ cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo; đa dạng hóa các nguồn cung cấp tín dụng, đổi mới cơ chế, thủ tục để nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tiếp cận tín dụng thuận lợi; đề xuất cơ chế tín dụng đối với nông nghiệp, tăng cường cho vay hộ gia đình với số lượng lớn hơn và vay theo tín chấp nhiều hơn, triển khai cho vay đối với hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi khép kín từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh, sức cạnh tranh cao.

### **c) Chính sách thương mại:**

- Nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại hàng nông sản; đề xuất các giải pháp bảo vệ hàng sản xuất trong tình, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và bảo đảm vững chắc an ninh lương thực nhưng không vi phạm các cam kết với các tổ chức quốc tế và các quốc gia mà Việt Nam đã ký kết; đối với sản phẩm sơ chế không khuyến khích xuất khẩu.

- Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại hàng nông sản; nghiên cứu đề xuất các chính sách về thương mại, các biện pháp kỹ thuật liên quan đến thương mại hàng nông sản, quy định sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý để các cam kết mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết vừa phù hợp với thông lệ quốc tế, thực hiện bảo vệ được sản xuất trong nước, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm, thủy sản, mở rộng đầu ra cho nông, lâm, thủy sản của tỉnh; thường xuyên cập nhật, thông báo về chính sách thương mại của các đối tác, các tổ chức quốc tế và các quốc gia để người sản xuất, kinh doanh nắm được và điều chỉnh phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả; chủ động tiếp cận, đàm phán với các đối tác, quốc gia để giải quyết những tranh chấp hoặc tháo gỡ rào cản thương mại.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo thông tin thị trường vật tư nông nghiệp và các sản phẩm nông nghiệp theo định kỳ; kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm, kịp thời các hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng nông, lâm, thủy sản.

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, phát triển hạ tầng thương mại (*chợ đầu mối, hệ thống bán buôn, bán lẻ, cửa hàng tiện lợi,...*) để thúc đẩy tiêu thụ nội địa đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, đặc biệt là trong các tình huống có biến động về thị trường xuất khẩu hàng hóa; tiếp tục tăng cường thực hiện sâu và rộng cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”.

### **9. Nâng cao năng lực bộ máy quản lý về nông nghiệp:**

- Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của ngành theo các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, Ngành Trung ương, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất, nhanh nhạy, thông suốt, chủ động, hiệu lực và hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở.

- Xác định việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là khâu “*đột phá*” về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động ở nông thôn và đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới; phân đấu đến năm 2020 đảm bảo 100% công chức, viên chức đạt chuẩn ngạch, bậc và tiêu chuẩn cán bộ quản lý theo quy định; tập trung đào tạo chuyên sâu để hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành của tỉnh (*phần đấu đạt khoảng 15% lực lượng lao động của ngành có trình độ thạc sĩ trở lên*).

- Nâng cao năng lực phòng, chống, chủ động phòng và giảm nhẹ thiên tai.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan Thường trực chịu trách nhiệm:**

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp tình hình, định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu triển khai thực hiện kế hoạch, đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì xây dựng đề án quy định về lập và sử dụng quỹ xây dựng nông thôn mới ở các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2013 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Đề án Tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kế hoạch, đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; điều chỉnh cơ cấu đầu tư công thực hiện đề án; hoàn chỉnh cơ chế hợp tác công tư; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực vận động các tổ chức tài chính quốc tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

## **3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tăng cường nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu triển khai bảo hiểm nông nghiệp khi có chủ trương của Chính phủ; thẩm định quy định về lập và sử dụng quỹ xây dựng nông thôn mới ở các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu; đề xuất chính sách hỗ trợ khuyến khích nông dân mua bảo hiểm nông nghiệp.

## **4. Sở Công Thương chịu trách nhiệm:**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách tạo thuận lợi thúc đẩy xuất khẩu nông sản và bảo vệ sản xuất trong tỉnh; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với sản xuất công nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm, kịp thời các hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại hàng nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

## **5. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình sản phẩm quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới và các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia khác có liên quan đến nông

ng nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách có liên quan tới tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

#### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp (*đặc biệt là đất lúa*); tổ chức thực hiện các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, tạo thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

- Hoàn chỉnh việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2016 - 2020) cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp với Luật Đất đai năm 2013, trong đó thể hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến từng xã.

#### **7. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu xây dựng, trình cấp thẩm quyền ban hành các văn bản đề kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy của ngành nông nghiệp và bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo của Chương trình đào tạo công chức xã gắn với công tác xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ cơ sở.

#### **8. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu trong công tác rà soát, hoàn thiện các quy hoạch, nhất là các quy hoạch theo yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

#### **9. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đầu tư xây dựng giao thông nông thôn theo hướng "*Nhà nước hỗ trợ xi măng, sắt thép, một số vật liệu chủ yếu và dân tự tổ chức thực hiện*".

#### **10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc

Liên tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới chính sách dạy nghề đối với người lao động; chính sách phát triển hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn, chính sách bảo hiểm xã hội đối với nông dân theo thẩm quyền.

### **11. Sở Y tế chịu trách nhiệm:**

- Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích nông dân tham gia Bảo hiểm y tế; đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án thực hiện lộ trình tiến tới Bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012 - 2015 và đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- Huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị, đào tạo cán bộ để các Trạm Y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; nâng cao hiệu quả hoạt động công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và phòng bệnh ngay tại tuyến cơ sở, bao gồm các cơ sở y tế tuyến huyện và tuyến xã.

### **12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm:**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu triển khai huy động các nguồn lực thực hiện việc đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao áp theo tiêu chí đã được ban hành; đảm bảo đời sống văn hóa tinh thần cho cộng đồng dân cư theo tiêu chí về văn hóa của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể, cùng với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tăng cường tổ chức tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung và ban hành văn bản hướng dẫn về tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa và tiêu chí về văn hóa của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo thẩm quyền.

### **13. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm:**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu và nội dung của Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X theo Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bạc Liêu mở các chuyên trang, chuyên mục, dành thời lượng phù hợp tuyên truyền sâu rộng về Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tập trung tuyên truyền những mô hình mới, cách làm hay, các gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể trong tỉnh bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng

lớp nhân dân, quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X theo Kết luận số 97-KL/TW của ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị.

#### **14. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm:**

Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, giải pháp nâng cao trình độ dân trí cho khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

#### **15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu chịu trách nhiệm:**

Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tiếp cận được các chính sách tín dụng của nhà nước.

#### **16. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:**

- Tăng cường mở rộng và tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh nhằm tuyên truyền, vận động nhân dân đồng thuận thực hiện các chủ trương, Nghị quyết, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát huy dân chủ, vận động nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh; thực hiện có hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng với cấp ủy đảng, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu tăng cường tổ chức tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới.

#### **17. Hội Nông dân tỉnh:**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu triển khai thực hiện kế hoạch, đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tăng cường vai trò chủ thể của nông dân trong triển khai thực hiện Đề án 61 “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”; phát động các phong trào thi đua để hội viên nông dân chung sức, chung lòng quyết tâm xây dựng nông thôn mới.

#### **18. Các Tổ chức chính trị - xã hội khác:**

Theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của đơn vị chủ động lựa chọn những nội dung thiết thực để phối hợp vận động, khích lệ, động viên các cá nhân, tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và chung sức xây dựng nông thôn mới; thực hiện bình đẳng giới, nâng cao năng lực và vị thế cho phụ nữ nông thôn.

## **19. Cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu và cấp cơ sở chịu trách nhiệm:**

- Căn cứ vào Kết luận 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và kế hoạch của Chính phủ, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hành động của các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu và cấp cơ sở với các chỉ tiêu cụ thể; đồng thời, bổ sung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương, đơn vị mình để phân đầu thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Tổ chức thảo luận, đưa vào nghị quyết đại hội Đảng các cấp nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp, chương trình, dự án cụ thể về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn; tiếp tục rà soát các đề án, quy hoạch, bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn quản lý.

- Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách trên địa bàn quản lý để huy động tốt hơn các nguồn lực; bố trí ngân sách các cấp, tiếp tục huy động từ nhiều nguồn lực phục vụ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn quản lý.

- Kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại nhân sự trong tổng biên chế được giao.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung thì các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, nghiên cứu và báo cáo đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Chánh Dũng*